

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chau Cương;

Ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1984. Địa chỉ nơi cư trú: Số 641, đường 7, khóm 1, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn C, sinh năm 1972. Địa chỉ nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T1, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 03 năm 2020, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh C sau khi quen biết, tìm hiểu nhau trước và được hai gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2003, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, sau khi cưới chị T về quê chồng sống được một tháng, rồi về bên mẹ ruột sống tại phường N, thành phố C, tỉnh An Giang. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh C làm ra tiền không lo vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống

không hòa thuận nên chị và anh C đã ly thân hơn 03 năm nay. Từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị và anh C không liên lạc đến nhau nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nay chị xin được ly hôn với anh C.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh C có hai đứa con tên Ngô Thị Hoàng O, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 28/6/2007. Khi ly hôn, chị T theo nguyện vọng của các con, nếu sống với chị thì chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

2. Bị đơn anh Ngô Văn C trình bày: Anh C thống nhất về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân. Giữa anh và chị T tiến đến hôn nhân, chung sống với như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống, giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng do chị T bỏ anh đi về bên cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống không hợp nhau nữa và đã sống ly thân đến nay gần 04 năm là đúng; thời gian ly thân giữa anh và chị T không còn liên lạc với nhau nữa, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh C đồng ý.

- Về con chung: có hai đứa con tên Ngô Thị Hoàng O, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 28/6/2007. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Giang, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án:

- + Về hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh C không còn hạnh phúc, nếu kéo dài cũng không hàn gắn tình trạng hôn nhân. Hơn nữa, chị T và anh C sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C.

Về con chung: chị T và anh C có hai đứa con chung tên Ngô Thị Hoàng O, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 28/6/2007. Quá trình hai

người sống ly thân, hai đứa con chung sống với chị T. Các con chung đều có nguyện vọng sống với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nơi cư trú của bị đơn anh Ngô Văn C tại khóm X, thị trấn T, huyện T1, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C được xác lập vào năm 2003, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Ngô Văn C được xác lập hôn nhân vào năm 2003, chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2000 nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng được quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 nên trường hợp này chị T và anh C có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[3.2] Về quan hệ con chung: chị T và anh C có hai đứa con chung tên Ngô Thị Hoàng O, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 28/6/2007. Khi ly hôn chị T theo nguyện vọng của hai con chung; anh C xin quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Giang. Nhận thấy, thực tế giữa chị T và anh C trong thời gian không còn chung sống với nhau như vợ chồng trong 04 năm, hai con chung cùng sống với chị T và chị T đảm bảo điều kiện nuôi con, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, hai đứa con chung vẫn giữ nguyên nguyện vọng sống với mẹ là chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, giữ ổn định về môi trường sống, học tập của hai đứa con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận tiếp tục giao hai đứa con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3.3] Về quan hệ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và Ngô Văn C cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị T và anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Nguyễn Thị Mỹ T là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Ngô Văn C không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 11, Điều 92, Điều 94, Điều 109 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.
- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Ngô Văn C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ T được quyền nuôi hai đứa con chung tên Ngô Thị Hoàng O, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 28/6/2007.

Anh Ngô Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Ngô Văn C việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009196 ngày 11 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- UBND tt.TB (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

Châu Nam Phú